THÔNG BÁO PHẠT NGUỘI CHẠY QUÁ TỐC ĐỘ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Từ ngày 09/11/2026 đến ngày 15/11/2026

STT	Biển số	Tuyến đường	Thuộc địa bàn *(xã/phường)*
1	14K-048.38	Km07+200, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
2	30H-686.63	Km07+200, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
3	29E-632.37	Km07+200, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
4	30E-086.63	Km07+200, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
5	30C-679.99	Km07+200, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
6	89A-233.81	Km07+200, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
7	29A-325.86	Km07+200, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
8	89C-280.36	Km07+200, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
9	29H-624.41	Km07+200, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
10	30K-159.49	Km07+200, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
11	30L-624.83	Km07+200, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
12	17B-024.89	Km07+200, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
13	30D-321.88	Km07+200, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
14	30G-282.11	Km07+200, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
15	30A-223.52	Km07+200, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
16	30M-304.11	Km07+200, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
17	29K-008.61	Km07+200, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
18	29M-431.48	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
19	99A-88734	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
20	88H-047.83	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
21	30M-303.43	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
22	30B-973.64	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
23	99B-079.73	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
24	30F-742.56	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
25	29H-141.91	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
26	30L-208.56	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
27	99H-051.22	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
28	30G-249.89	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
29	30H-388.31	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
30	29K-044.85	TL280	Đông Cứu, Bắc Ninh
31	30B-592.04	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
32	15H-120.81	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
33	24A-188.96	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
34	29E-325.26	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
35	30L-925.94	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh

36	14K-231.78	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
37	29C-387.98	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
38	99B-331.41	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
39	29K-176.93	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
40	89A-630.51	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
41	30L-818.51	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
42	30B-064.18	Km 07, Quốc lộ 17	Song Liễu, Bắc Ninh
43	97C1-01826	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
44	98A-07636	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
45	98A-35197	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
46	98B3-19732	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
47	98G1-13288	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
48	MĐ6-05606	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
49	99AB-13383	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
50	13F1-4231	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
51	30A-46726	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
52	30H-85609	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
53	35A-63876	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
54	88A-80499	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
55	89AA-56141	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
56	98A-24848	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
57	98A25935	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
58	98A-30645	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
59	98A-58292	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
60	98A-67583	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
61	98B3-71857	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
62	98F1-35511	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
63	98H-06401	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
64	99B-51034	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
65	98C-31364	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
66	98D1-47631	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
67	99A-26290	Đường Hùng Vương	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh
68	20AA-86596	Đường Tỉnh 293	Phường Tân An
69	98E1-90531	Đường Tỉnh 293	Phường Tân An
70	98F1-33620	Đường Tỉnh 293	Phường Tân An
71	99AA70232	Đường Tỉnh 293	Phường Tân An
72	99AB-54091	Đường Tỉnh 293	Phường Tân An
73	12H1-36093	Đường Tỉnh 293	Phường Tân An
74	98AB-08513	Đường Tỉnh 293	Phường Tân An
75	98AC-10266	Đường Tỉnh 293	Phường Tân An
76	98AE-11317	Đường Tỉnh 293	Phường Tân An

77	98B3-00806	Đường Tỉnh 293	Phường Tân An
78	98H1-44563	Đường Tỉnh 293	Phường Tân An
79	99AA-60290	Đường Tỉnh 293	Phường Tân An
80	99AB-23530	Đường Tỉnh 293	Phường Tân An
81	12H1-25818	Km 90+200, QUỐC LỘ 17	Xã Yên Thế, TP Bắc Ninh
82	98A-51134	Km 90+200, QUỐC LỘ 17	Xã Yên Thế, TP Bắc Ninh
83	30G-62244	Km 90+200, QUỐC LỘ 17	Xã Yên Thế, TP Bắc Ninh
84	20A-75466	Km 90+200, QUỐC LỘ 17	Xã Yên Thế, TP Bắc Ninh
85	98A-60980	Km 90+200, QUỐC LỘ 17	Xã Yên Thế, TP Bắc Ninh
86	98AA-36664	Km 90+200, QUỐC LỘ 17	Xã Yên Thế, TP Bắc Ninh
87	98B2-29042	Km 90+200, QUỐC LỘ 17	Xã Yên Thế, TP Bắc Ninh
88	98C1-19510	Km 90+200, QUỐC LỘ 17	Xã Yên Thế, TP Bắc Ninh
89	19B-20797	Km 90+200, QUỐC LỘ 17	Xã Yên Thế, TP Bắc Ninh
90	30K-89402	Km 90+200, QUỐC LỘ 17	Xã Yên Thế, TP Bắc Ninh
91	99F1-14072	Km 90+200, QUỐC LỘ 17	Xã Yên Thế, TP Bắc Ninh
92	20A-58221	Km 90+200, QUỐC LỘ 17	Xã Yên Thế, TP Bắc Ninh
93	35AB-66070	Km 90+200, QUỐC LỘ 17	Xã Yên Thế, TP Bắc Ninh
94	30G-97498	Km 90+200, QUỐC LỘ 17	Xã Yên Thế, TP Bắc Ninh
95	98AL-02640	Km 90+200, QUỐC LỘ 17	Xã Yên Thế, TP Bắc Ninh
96	99B-19543	Km 90+200, QUỐC LỘ 17	Xã Yên Thế, TP Bắc Ninh
97	99AB-55971	Km 90+200, QUỐC LỘ 17	Xã Yên Thế, TP Bắc Ninh
98	99E1-62519	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
99	12XA-06377	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
100	23AB-04650	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
101	30M-8211	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
102	29C-42171	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
103	99C1-46208	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
104	97AD-01773	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
105	19AA-24924	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
106	29AE-68865	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
107	99AB-39587	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
108	98B2-26563	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
109	12C-10339	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
110	99AB-81298	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
111	98F1-40272	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
112	30H-98611	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
113	99E1-56326	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
114	18AA-33608	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
115	43AC-10611	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
116	99AE-07560	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
117	99D1-55182	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh

118	98LD-01093	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
119	38A-10217	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
120	30M-87438	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
121	30E-12491	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
122	99A-88019	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
123	19B-03240	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
124	30M1-1454	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
125	36AB-63030	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
126	99G1-12447	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
127	14K-08719	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
128	98AF-07822	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
129	98B3-77778	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
130	36AD-46943	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
131	20G1-20404	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
132	29Z1-72135	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
133	14H-04808	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
134	28N1-39774	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
135	99AE-05915	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
136	98A-83244	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
137	14Z1-60833	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
138	99AA-69084	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
139	98B3-93149	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
140	26K1-22089	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
141	27AA-67874	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
142	99AA-61309	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
143	29K-12022	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
144	29H-77513	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
145	12AA-36141	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
146	30K-48210	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
147	99AB-55709	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
148	98A-76209	Quốc lộ 1	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
149	99B-516.84	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
150	99A-384.74	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
151	99H-133.36	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
152	99A-661.88	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
153	30K-575.09	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
154	29AL-047.18	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
155	30K-814.10	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
156	99A-686.33	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
157	99B-077.21	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
158	99A-523.92	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh

159	35A-693.12	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
160	29K-089.14	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
161	99A-473.99	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
162	99AA-372.98	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
163	99H1-452.70	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
164	29G-002.68	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
165	99A-304.71	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
166	99A-737.77	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
167	30B-970.52	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
168	99A-633.98	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
169	99B-277.89	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
170	99E-009.49	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
171	99A-553.86	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
172	29B-172.82	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
173	99A-283.18	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
174	30A-101.79	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
175	92C1-393.61	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
176	30B-041.57	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
177	29H-603.79	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
178	99E-012.65	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
179	99A-006.28	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
180	95B1-975.37	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
181	14R1-071.69	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
182	21EA-214.36	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
183	99AA-098.65	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
184	29AG-228.44	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
185	98AA-355.06	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
186	30E-762.81	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
187	99C-182.05	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
188	99A-908.35	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
189	51M-439.49	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
190	30B-189.06	TL295b	phường Tiên Du, TP Bắc Ninh
191	12HA-104.86	QL1A	Xã Tân Dĩnh
192	98A-501.10	QL1A	Xã Tân Dĩnh
193	98E1-693.80	QL1A	Xã Tân Dĩnh
194	89B2-041.45	QL1A	Xã Tân Dĩnh
195	99AD- 021.28	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
196	99A- 556.66	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
197	99AE- 031.81	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
198	99B- 525.27	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
199	99AD-048.63	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh

200	99AD-062.48	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
201	17A-409.15	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
202	28F2-049.37	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
203	29AH-208.56	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
204	35B2-842.73	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
205	98A-466.90	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
206	99A-774.25	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
207	30H-978.47	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
208	98C1-077.42	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
209	99AB-411.96	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
210	12AA-194.16	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
211	98A-885.81	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
212	98B-536.50	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
213	98N8-3512	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
214	29E-610.51	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
215	29L5-216.48	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
216	34F1-379.64	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
217	98A-273.62	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
218	98A-595.86	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
219	98A-595.86	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
220	98A-768.39	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
221	98B3-537.54	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
222	98C1-178.13	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
223	98C1-178.99	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
224	98H1-381.02	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
225	98M1-261.48	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
226	98M8-6739	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
227	99AA-572.53	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
228	99AB-678.53	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
229	99G1-266.18	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
230	20H1-646.20	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
231	30K-980.19	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
232	36B6-363.41	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
233	98A-279.01	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
234	98C1-286.07	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
235	99H-019.76	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
236	99LD-033.83	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
237	98AC-128.02	Km 5 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
238	29E2-892.07	TL295	P Đồng Nguyên, Bắc Ninh
239	29E - 876.55	TL295	P Đồng Nguyên, Bắc Ninh
240	89B1 - 599.03	TL295	P Đồng Nguyên, Bắc Ninh

241	99K1 - 348.97	TL295	P Đồng Nguyên, Bắc Ninh
242	99AB - 823.06	TL295	P Đồng Nguyên, Bắc Ninh
243	99H - 097.20	TL295	P Đồng Nguyên, Bắc Ninh
244	99AD - 045.93	TL295	P Đồng Nguyên, Bắc Ninh
245	30M - 622.02	TL295	P Đồng Nguyên, Bắc Ninh
246	20A - 883.02	TL295	P Đồng Nguyên, Bắc Ninh
247	99F1 - 1021	TL295	P Đồng Nguyên, Bắc Ninh
248	99B1 - 564.06	TL295	P Đồng Nguyên, Bắc Ninh
249	30G-116.00	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
250	99AB-159.80	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
251	30L-489.66	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
252	11AA-173.09	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
253	99E1-297.64	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
254	99N1-4446	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
255	29V1-721.66	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
256	36AE-770.71	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
257	51B-814.59	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
258	98D1-917.93	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
259	99AB-112.46	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
260	99G1-483.18	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
261	99L5-7522	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
262	12T1-118.25	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
263	20D1-114.17	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
264	9AH-972.46(Lần	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
265	9AH-972.46(Lần	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
266	29E-580.41	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
267	30F-816.44	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
268	30G-381.77	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
269	30N4-2046	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
270	36AE-148.94	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
271	36B8-834.79	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
272	72A-662.86	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
273	98A-436.09	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
274	98A-874.10	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
275	98F1-355.37	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
276	98H-045.08	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
277	98LD-006.31	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
278	99A-224.93	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
279	99A-610.92	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
280	99A-795.08	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
281	99A-819.34	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường

282	99AA-113.85	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
283	99AA-889.34	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
284	99AB-721.44	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
285	99AC-201.53	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
286	99AF-086.95	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
287	99B-099.31	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
288	99B-104.54	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
289	99B-318.94	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
290	99C-276.56	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
291	17AC-024.56	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
292	20F1-610.02	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
293	29BD-044.12	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
294	36K-633.84	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
295	89H-099.65	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
296	98A-925.37	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
297	99E1-110.20	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
298	99G1-286.58	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
299	99H1-216.57	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
300	99H-186.34	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
301	11AA-229.01	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
302	14K-167.83	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
303	17AA-769.17	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
304	29C1-383.38	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
305	29H1-487.16	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
306	30A-716.82	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
307	90A-173.77	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
308	97B1-724.18	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
309	98A-395.34	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
310	98AB-132.36	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
311	98M7-3910	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
312	99A-397.99	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
313	99AA-628.76	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
314	99AB-040.12	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
315	99AB-165.57	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
316	99AB-276.11	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
317	99AB-324.20	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
318	99AB-913.51	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
319	99C1-130.87	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
320	99D1-132.88	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
321	99D1-328.06	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
322	99G1-224.70	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường

323	98AE-039.13	Km 21+100 QL 31	Lục Nam
324	99A-359.43	Km 21+100 QL 31	Lục Nam
325	99C-267.90	Km 21+100 QL 31	Lục Nam
326	30G-013.77	Km 16+250 QL 31	Lục Nam
327	98A-378.87	Km 16+250 QL 31	Lục Nam
328	98E1-556.05	Km 16+250 QL 31	Lục Nam
329	98F1-238.76	Km 16+250 QL 31	Lục Nam
330	99AC-244.14	Km 16+250 QL 31	Lục Nam
331	98B2-423.40	Km 16+250 QL 31	Lục Nam
332	98H-043.81	Km 16+250 QL 31	Lục Nam
333	98Y4-1505	Km 16+250 QL 31	Lục Nam
334	99AA-406.49	Km 16+250 QL 31	Lục Nam
335	20A-799.66	Km 21+100 QL 31	Lục Nam
336	30G-648.23	Km 21+100 QL 31	Lục Nam
337	50F-173.73	Km 21+100 QL 31	Lục Nam
338	98A-683.18	Km 21+100 QL 31	Lục Nam
339	98A-964.36	Km 21+100 QL 31	Lục Nam
340	98L1-165.76	Km 21+100 QL 31	Lục Nam
341	29E-046.70	Km 14 QL 31	Lục Nam
342	34A-143.95	Km 14 QL 31	Lục Nam
343	30A-937.92	Km 14 QL 31	Lục Nam
344	98A-418.21	Km 14 QL 31	Lục Nam
345	98AA-228.24	Km 14 QL 31	Lục Nam
346	29A-108.44	Km 14 QL 31	Lục Nam
347	98F1-104.38	Km 14 QL 31	Lục Nam
348	30L-532.62	Km 14 QL 31	Lục Nam
349	20B-330.43	Km 14 QL 31	Lục Nam
350	88B1-180.71	Km 14 QL 31	Lục Nam
351	98A-494.92	Km 14 QL 31	Lục Nam
352	98A-823.71	Km 14 QL 31	Lục Nam
353	99A-566.65	Km 21+100 QL 31	Lục Nam
354	98L1-071.22	Km 21+100 QL 31	Lục Nam
355	98C-354.58	Km 21+100 QL 31	Lục Nam
356	98AA-247.44	Km 21+100 QL 31	Lục Nam
357	98B2-552.13	Km 21+100 QL 31	Lục Nam
358	98N6-4260	Km 21+100 QL 31	Lục Nam
359	99A-982.56	Km 21+100 QL 31	Lục Nam
360	29X-9423	Km6+800, TL279	phường Nhân Hòa
361	24A-00041	Km6+800, TL279	phường Nhân Hòa
362	36K-29285	KM10+700,TL279	Phường Quế Võ
363	99B-05727	KM10+700,TL279	Phường Quế Võ

364	29E - 80541	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
365	29H-19086	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
366	99C-27451	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
367	99A-69415	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
368	30F-18147	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
369	51D-36049	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
370	30M-67296	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
371	29K-25758	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
372	29H-05252	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
373	30M-70934	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
374	99C-27637	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
375	30B-82934	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
376	30A-81697	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
377	30B-33849	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
378	29D-42226	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
379	30G-83727	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
380	99B-71888	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
381	30F-85983	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
382	99B-12498	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
383	29G-01020	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
384	30B-84562	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
385	99A-48651	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
386	24H-06105	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
387	99A-56280	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
388	99A-45698	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
389	98A-75640	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
390	99B-05683	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
391	99A-22855	Km6+800, QL18	Phường Phương Liễu
392	99A-65237	Km10+700, TL279	phường Quế Võ